TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án số: 96/2019/HNGĐ - ST
Ngày 04-10-2019
"Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : **Ông Nguyễn Quốc Nam**

Các *Hội thẩm nhân dân*: 1. **Ông Trần Thanh Việt**

2. **Ông Lê Thành Thật**

Thư ký phiên tòa: **Ông Lê Quốc Trung** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: **Ông Lê Hoàng Nhựt** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 166/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Ngọc Đ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 38/3, hẻm P, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 207A/11, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: Anh Lê Quang T, sinh năm 1986. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 38/3, hẻm P, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Ngọc Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh T quen biết, tìm hiểu và tự nguyện đến hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L ngày 25/01/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu về dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm chị Đ và gia đình chị Đ. Ngoài ra, anh T còn quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, chị Đ đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T không sửa đổi nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị Đ về nhà cha mẹ đẻ sống từ tháng 8/2017. Nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Đ và anh T có 02 con chung tên Lê Quang T, sinh ngày 03/4/2011 và Lê Tiến P, sinh ngày 18/8/2017. Các con chung đang sống với chị Đ và yêu cầu được nuôi con sau ly hôn.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Lê Quang T vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa lần thứ hai, không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối cũng như chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

* Nguyên đơn chị Đỗ Thị Ngọc Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án

đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về nội dung vụ án: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn là có cơ sở theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận; Về con chung: Nguyên đơn, bị đơn có 02 con chung, hiện nguyên đơn đang chăm sóc, nuôi dưỡng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xét đến; Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn cho rằng không có tài sản chung nên đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa chị Đỗ Thị Ngọc Đ và anh Lê Quang T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn đang sinh sống tại phường M, thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ. Như vậy, từ khi Tòa án thụ lý đến ngày xét xử vụ án bị đơn đã từ chối các quyền, cũng như không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn có đăng ký hộ khẩu tại phường M và được Công an phường xác nhận vẫn còn sinh sống tại địa phương. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung tranh chấp

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản chính giấy chứng nhận kết hôn số 18/KH.MP ngày 25/01/2010, quyển số 01/2010 tại Ủy ban nhân dân phường M thể hiện nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, nguyên đơn cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu, không quan tâm gia đình, chị Đ đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T không sửa đổi nên chị Đ về nhà cha mẹ đẻ từ tháng 8/2017 đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải thể hiện tình cảm yêu thương, quan tâm chăm sóc, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn đã có thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương, nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc. Chị Đ cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh T được Tòa án cấp tống đạt các văn bản tố tụng không có ý kiến phản đối, không gửi văn bản trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ giúp đỡ nhau và thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị Đ và anh T có 01 con chung tên có 02 con chung tên Lê Quang T, sinh ngày 03/4/2011 và Lê Tiến Ph, sinh ngày 18/8/2017.

Chị Đ yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung nhưng anh P không có ý kiến phản đối. Ngày 30/8/2019, Tòa án tiến hành lấy ý kiến của con chung Lê Quang T, cháu T yêu cầu được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển tốt về thể chất, tinh thần và đảm bảo cho việc học hành cho con chung cũng như xem xét điều kiện, hoàn cảnh của chị Đ và nguyện vọng của con chung. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

chung. Chị Đ và gia đình của chị Đ phải tạo điều kiện cho anh T được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Đ không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị Đ cho rằng không có tài sản chung, anh T không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Ngọc Đ phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

* **Xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Thị Ngọc Đ.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Ngọc Đ được ly hôn với anh Lê Quang T.

[2] Về con chung: Chị Đỗ Thị Ngọc Đ được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên có 02 con chung tên Lê Quang T, sinh ngày 03/4/2011 và Lê Tiến P, sinh ngày 18/8/2017.

Chị Đ và gia đình của chị Đ phải tạo điều kiện cho anh T được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Đ không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị Đ cho rằng không có tài sản chung, anh T không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Ngọc Đ phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002864 ngày 02/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

[7] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

(Giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục T.H. A dân sự TPL;
- VKSND TPL;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường M;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam